

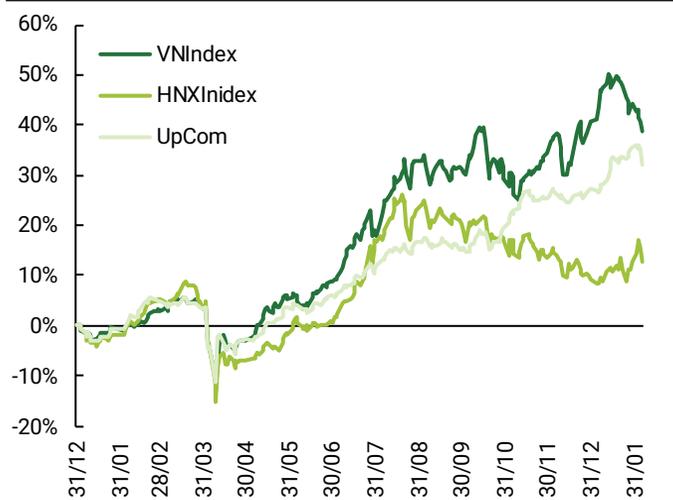
VN-Index **1755.49 (-1.52%)**
1230 Tr. cổ phiếu 35683.3 Tỷ VND (35.98%)

HNX-Index **256.28 (-2.57%)**
109 Tr. cổ phiếu 2521.1 Tỷ VND (12.91%)

UPCOM-Index **125.51 (-2.40%)**
80 Tr. cổ phiếu 940.4 Tỷ VND (-27.09%)

VN30F1M **1951.30 (-1.06%)**
290,528 HD OI: 40,683 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1755.5, giảm -27.1 điểm (-1.52%). Thanh khoản tăng với độ rộng áp đảo bởi phe bán. Sắc đỏ cũng chi phối ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Nỗ lực phục hồi trong phiên thất bại và sắc đỏ bao phủ rộng nhiều nhóm ngành. Nhóm cổ phiếu dẫn dắt phân hóa và không tạo được sự đồng thuận khiến thị trường chung cũng mất đi điểm tựa. Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Tiện ích: GAS (+2.7%), CHP (+2.5%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Ngân hàng: VCB (-4.8%), HDB (-3.8%), VAB (-3.6%) | Bất động sản: NLG (-5.4%), SZC (-5.0%), KBC (-5.0%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEX (-6.2%), GEE (-5.7%), PAC (-4.9%) | Thực phẩm và đồ uống: VHC (-5.5%), HAG (-5.3%), DBC (-4.4%) | Tài nguyên Cơ bản: SMC (-4.5%), PTB (-4.3%), NKG (-4.3%)
Tác động chỉ số: Chiều tăng | GAS, VIC, GEL, LPB, MBB - Chiều giảm | VCB, CTG, HPG, VPL, HDB
Khối ngoại Bán ròng gần 900 tỷ, tập trung nhiều ở VCB, VIC, HDB, trong khi mua ròng MBB, HPG, STB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nền Shooting Star cùng thanh khoản gia tăng mạnh, hàm ý cung bán chủ động. Chỉ số đã lùi về dưới ngưỡng 1770 điểm đồng nghĩa việc đánh mất mốc hỗ trợ MA50 ngày, khiến vận động chung nghiêng về rủi ro điều chỉnh. Tuy nhiên, chỉ báo RSI gần tiếp cận mức quá bán 20-30 có thể thúc đẩy nhịp hồi kỹ thuật kiểm định lại xu hướng. Hiện vùng kháng cự gần hiện quanh khu vực 1780 – 1800 điểm. Trong trường hợp lực cầu vẫn suy yếu, mốc hỗ trợ thấp hơn đà giảm có thể tìm về quanh vùng 1700 - 1720 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số tạo mẫu hình nền giảm Marubozu cho thấy lực cung tiếp tục chi phối. Vận động đã đánh mất ngưỡng hỗ trợ 260 có thể hạ nhiệt về mốc thấp hơn quanh vùng 252 – 256 để củng cố lại xu hướng.
- **Chiến lược:** Tập trung vào danh mục hiện có để cơ cấu phù hợp. Đa phần mặt bằng cổ phiếu cũng đang điều chỉnh về vùng hỗ trợ mạnh, nếu chưa vi phạm, NĐT có thể nắm giữ. Trường hợp xuất hiện tín hiệu gây xu hướng, nên tận dụng nhịp hồi để hạ bớt vị thế. Hạn chế hưng phấn trước các dấu hiệu bật tăng chưa rõ ràng và cần mẫu hình đáng tin cậy xác nhận. Tỷ trọng chung duy trì ở mức trung bình.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi CTD (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,755.5 ▼	-1.52%	-4.0%	-3.3%	35,683.3 ▲	36.0%	22.6%	29.8%	1,229.6 ▲	52.7%	39.9%	28.2%
HNX-Index	256.3 ▼	-2.57%	0.1%	4.0%	2,521.1 ▲	12.9%	6.2%	17.7%	109.3 ▲	10.8%	12.1%	2.8%
UPCOM-Index	125.5 ▼	-2.40%	-2.8%	4.5%	940.4 ▼	-27.1%	-54.3%	42.7%	80.3 ▲	71.7%	-32.2%	74.8%
VN30	1,943.6 ▼	-1.3%	-4.2%	-5.5%	21,069.3 ▲	32.0%	19.0%	24.6%	529.1 ▲	52.4%	31.2%	13.9%
VNMID	2,154.2 ▼	-3.0%	-3.3%	-1.5%	11,907.4 ▲	46.8%	37.2%	45.2%	483.6 ▲	67.5%	50.6%	29.9%
VNSML	1,472.6 ▼	-1.89%	-1.4%	1.0%	1,753.2 ▲	1.5%	23.5%	75.7%	105.0 ▲	12.7%	13.4%	43.8%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	665.4 ▼	-1.9%	-0.69%	9.4%	11,006.2 ▲	76.52%	44.8%	0.9%	400.6 ▲	91.0%	55.6%	9.7%
Bất động sản	675.6 ▼	-0.5%	-5.4%	-20.1%	4,510.0 ▲	3.4%	-5.4%	-18.3%	148.4 ▲	18.2%	-0.2%	-13.7%
Dịch vụ tài chính	310.6 ▼	-2.9%	-0.1%	6.4%	3,707.6 ▲	95.8%	27.1%	-16.4%	144.2 ▲	95.8%	26.0%	-14.9%
Công nghiệp	259.5 ▼	-2.7%	-0.1%	-4.2%	1,536.5 ▲	57.5%	7.8%	-7.2%	46.8 ▲	61.5%	15.7%	6.8%
Tài nguyên cơ bản	530.0 ▼	-2.7%	1.7%	6.2%	2,203.0 ▲	81.2%	8.7%	37.8%	88.0 ▲	94.0%	10.9%	34.1%
Xây dựng - Vật Liệu	187.8 ▬	0.1%	4.0%	5.4%	1,472.0 ▲	49.2%	13.7%	5.2%	62.6 ▲	50.2%	7.3%	-5.6%
Thực phẩm	541.0 ▼	-1.3%	-2.1%	0.7%	2,448.8 ▬	0.5%	-3.8%	-8.3%	60.5 ▲	25.1%	14.3%	6.3%
Bán Lẻ	1,638.0 ▼	-2.5%	2.0%	5.9%	2,098.9 ▲	38.2%	4.6%	58.1%	26.7 ▲	33.6%	2.9%	47.2%
Công nghệ	521.3 ▼	-1.5%	-6.1%	4.3%	1,130.0 ▼	-39.6%	-22.5%	-18.9%	13.6 ▼	-36.0%	-21.1%	-16.2%
Hóa chất	199.6 ▼	-2.37%	-0.3%	35.6%	1,219.5 ▲	6.1%	10.9%	-3.3%	31.5 ▼	-3.4%	6.2%	-6.4%
Tiện ích	930.2 ▬	0.9%	-1.5%	27.9%	1,062.0 ▲	60.9%	19.2%	7.3%	39.8 ▲	69.2%	23.1%	18.6%
Dầu khí	114.8 ▼	-0.07%	7.3%	50.3%	1,814.7 ▲	23.0%	19.1%	8.2%	56.1 ▲	24.4%	18.9%	-0.5%
Dược phẩm	450.7 ▼	-0.3%	0.2%	4.3%	34.8 ▲	43.0%	-19.2%	-32.2%	1.3 ▲	38.2%	-24.5%	-40.6%
Bảo hiểm	120.9 ▼	-2.5%	13.0%	33.4%	173.6 ▲	22.9%	16.9%	10.9%	3.6 ▼	-8.6%	14.1%	7.4%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,755.5 ▼	-1.52%	-1.6%	16.0x	2.2x
SET-Index	Thái Lan	1,354 ▬	0.58%	7.5%	14.4x	1.3x
JCI-Index	Indonesia	7,935 ▼	-2.08%	-8.2%	20.2x	2.1x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,640 ▼	-0.04%	2.7%	16.8x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,391 ▬	0.14%	5.6%	10.7x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,066 ▼	-0.25%	2.4%	19.5x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,560 ▼	-1.21%	3.6%	13.6x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	54,254 ▬	0.81%	7.8%	22.8x	2.7x
S&P 500	Mỹ	6,798 ▼	-1.23%	-0.7%	27.2x	5.4x
Dow Jones	Mỹ	48,909 ▼	-1.20%	1.8%	25.3x	5.8x
FTSE 100	Anh	10,309 ▼	-0.01%	3.8%	15.5x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,941 ▬	0.26%	2.6%	18.0x	2.5x
DXY		97.8 ▬	0.23%	-9.8%		
USDVND		25,962 ▼	-0.01%	1.9%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

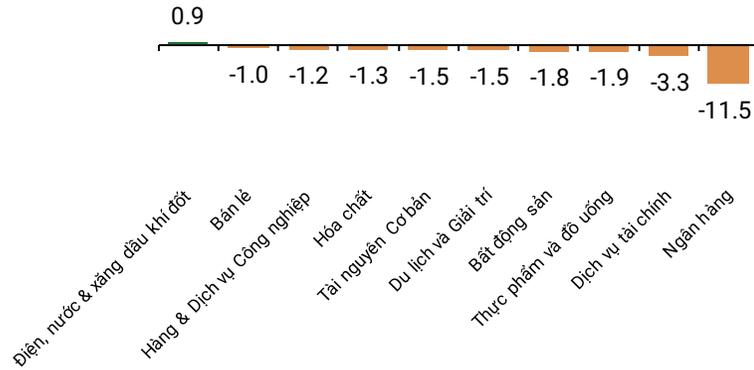
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	1.2%	12.7%	12.4%	-7.9%
Dầu WTI	▲	1.3%	12.2%	11.7%	-9.2%
Khí gas	▼	-0.5%	4.2%	-5.3%	2.4%
Than cốc (*)	▬	0.0%	3.6%	0.0%	-4.6%
Thép HRC (*)	▼	-0.2%	0.3%	-0.2%	-5.5%
PVC (*)	▬	0.0%	0.0%	0.0%	-12.4%
Phân Urea (*)	▲	5.5%	16.9%	17.2%	23.4%
Cao su thiên nhiên	▼	-0.9%	1.9%	4.6%	-4.2%
Bông Cotton	▼	-1.1%	-5.4%	-4.2%	-6.8%
Đường	▼	-1.2%	-3.3%	-4.9%	-27.1%
World Container Index	▼	-7.0%	-11.49%	-11.5%	-40.1%
Baltic Dirty tanker Index	▬	0.1%	42.2%	27.3%	85.9%
Vàng	▼	-1.8%	8.5%	12.9%	70.8%
Bạc	▼	-15.6%	-8.4%	3.8%	131.2%

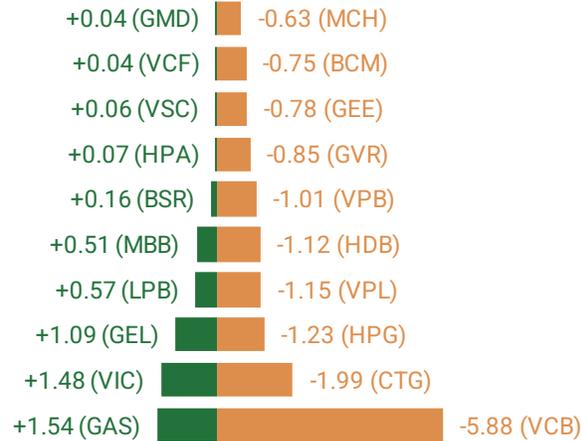
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

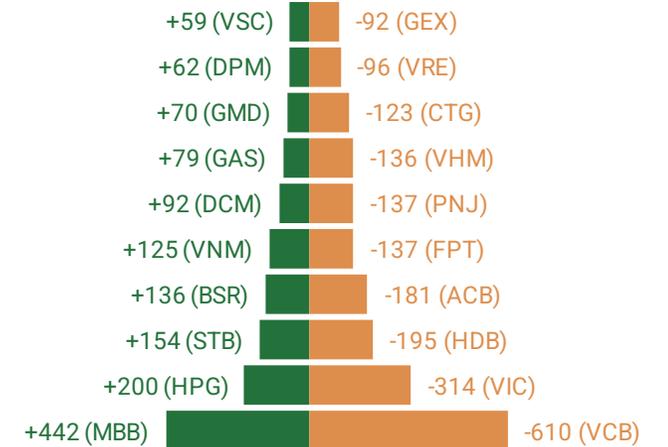


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

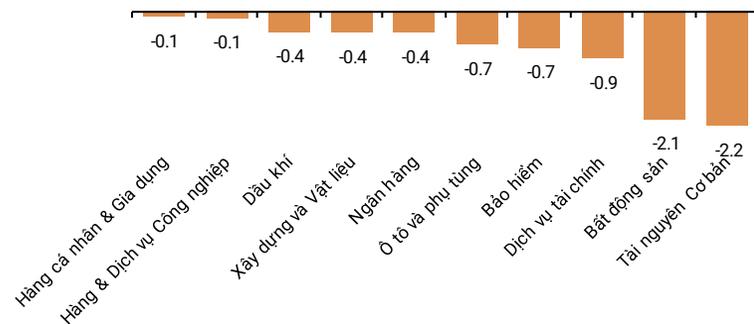


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

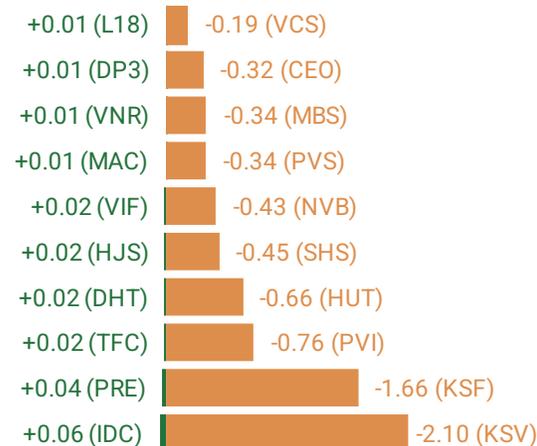
TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



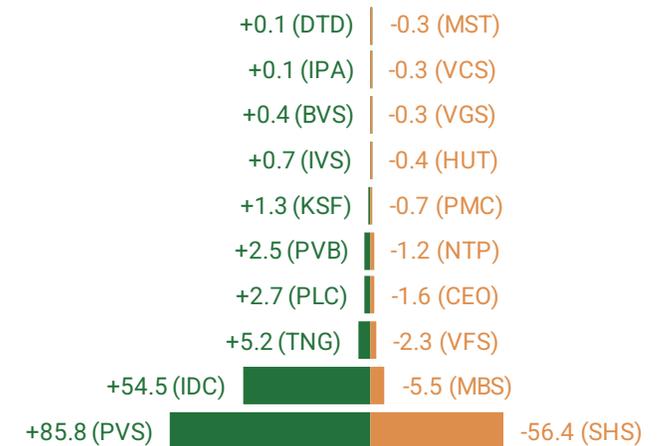
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

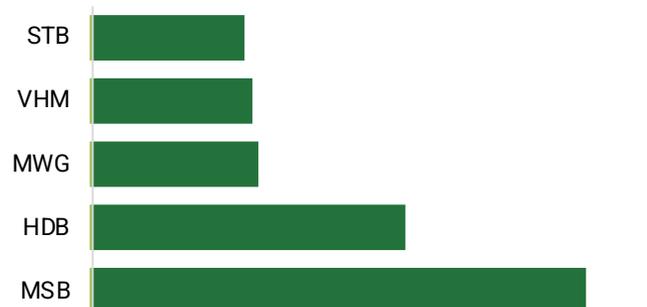


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	HPG	VCB	MBB	MWG	SSi
%DoD	-2.7%	-4.8%	1.1%	-2.0%	-3.5%
Giá trị	1,844	1,625	1,363	1,222	1,137

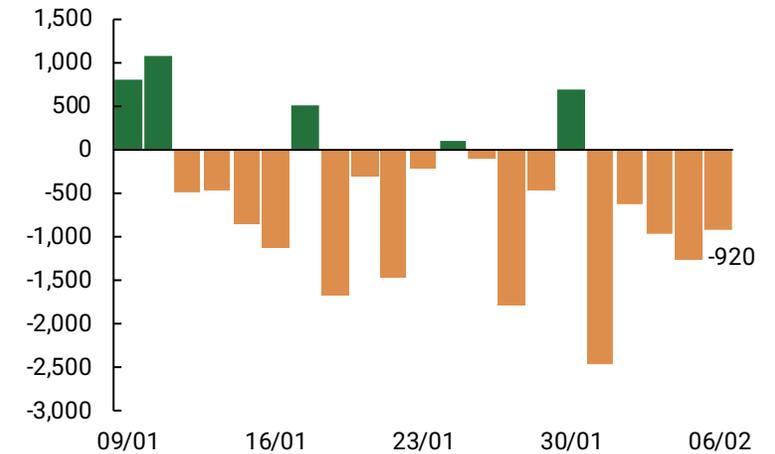
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



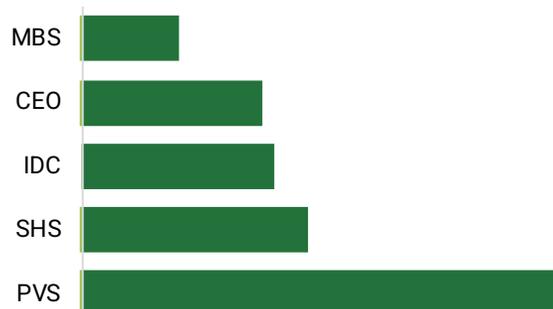
	MSB	HDB	MWG	VHM	STB
%DoD	-0.8%	-3.8%	-2.0%	-0.1%	-1.3%
Giá trị	688	436	233	222	212

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)

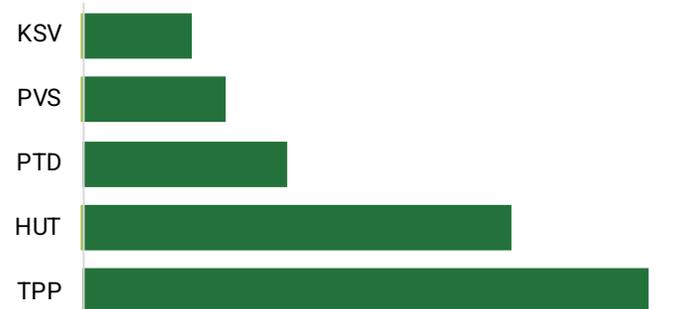


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



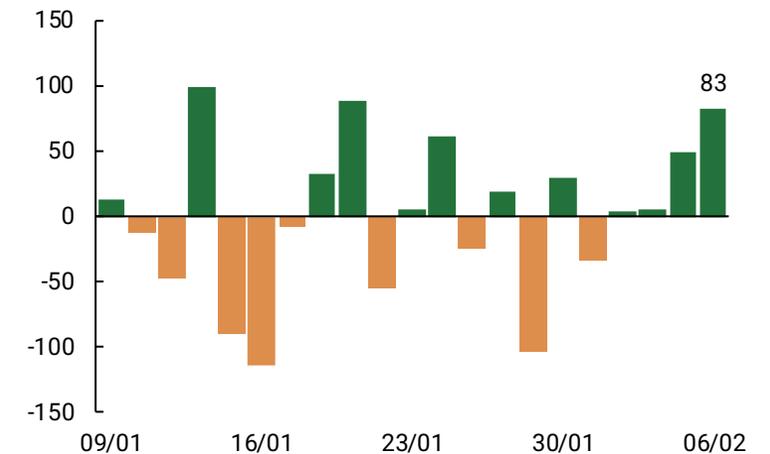
	PVS	SHS	IDC	CEO	MBS
%DoD	-2.6%	-4.8%	0.6%	-5.2%	-3.4%
Giá trị	723	343	291	274	146

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	TPP	HUT	PTD	PVS	KSV
%DoD	1.8%	-6.5%	0.0%	-2.6%	-10.0%
Giá trị	31	24	11	8	6

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Shooting star, vol trên bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 - 1720.
- ✓ Kháng cự: 1800.
- ✓ Chỉ báo RSI vẫn trong đà giảm, MACD dưới đường tín hiệu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh ngắn hạn.

Kịch bản: Nỗ lực phục hồi tiếp tục thất bại và áp lực điều chỉnh trở lại chi phối. Hiện mốc hỗ trợ 1770 điểm (MA50 ngày) đã bị phá vỡ, do đó, rủi ro giảm vẫn còn. Thanh khoản cũng tăng hàm ý cung bán chủ động. Kháng cự trong chiều hồi phục giờ là ngưỡng tâm lý 1800 điểm, trong khi hỗ trợ thấp hơn là khu vực 1700 – 1720 điểm. Chỉ số có thể bật tăng khi RSI tiếp cận mức quá bán 20-30, tuy nhiên sẽ nghiêng về phục hồi kỹ thuật và cần theo dõi thêm diễn biến.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Shooting star, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1900.
- ✓ Kháng cự: 2000.
- ✓ Chỉ báo RSI vẫn trong đà giảm, MACD dưới đường tín hiệu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh ngắn hạn.

➔ Áp lực điều chỉnh tiếp tục chi phối đẩy chỉ số lùi về dưới ngưỡng hỗ trợ quan trọng quanh ngưỡng 1960, cho thấy xu hướng điều chỉnh vẫn chi phối. Thanh khoản cũng gia tăng hàm ý cung bán chủ động. Hiện vùng hỗ trợ thấp hơn quanh khu vực tâm lý 1900 điểm, trong khi kháng cự là mốc 2000 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	CTD	WATCH	Current price	80.10	P/E (x)	12.2
Exchange	HOSE		Watch zone	78 - 79	P/B (x)	0.9
Sector	Heavy Construction		Target price	88	EPS	6560.3
			Cut loss price	74	ROE	7.4%
				Stock Rating	BB	
				Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá điều chỉnh về khu vực hỗ trợ 78 - 80.
 - Chỉ báo MACD vẫn trên đường tín hiệu, cùng với RSI hạ nhiệt nhưng vẫn trên ngưỡng trung bình 50.
 - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng củng cố lại nền giá quanh 80.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, nếu giá kiểm định tốt khu vực hỗ trợ 78 - 80 có thể cân nhắc.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá theo dõi	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	CTD	Theo dõi	09/02/2026	80.1	78 - 79	-	88.0	11.4%	74	-6.3%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MSN	Mua	23/01/2026	-	78.20	79.4 - 79.9	-1.8%	88.0	10.5%	75	-6.0%	
2	FPT	Mua	26/01/2026	-	97.60	100 - 101	-2.9%	112.0	11.4%	95.0	-5.5%	
3	SAB	Mua	04/02/2026	-	48.80	51.5 - 52	-5.7%	58.0	12.1%	48.0	-7.2%	
4	VSC	Mua	05/02/2026	-	22.30	21.8 - 22	1.8%	25.0	14.2%	20.4	-6.8%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1951.3, giảm 20.9 điểm (-1.1%). Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch. Dù giá nỗ lực phục hồi cuối phiên nhưng phần thắng tiếp tục nghiêng về phe cung.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, giá hình thành mẫu hình nến giảm Marubozu, bên cạnh MACD vẫn dưới đường tín hiệu hàm ý áp lực điều chỉnh còn chi phối. Dù vậy, chỉ báo RSI đang tiếp cận mức quá bán có thể thúc đẩy nhịp hồi kỹ thuật. Vị thế Long cân nhắc khi giá bật tăng và củng cố được trên ngưỡng 1955. Vị thế Short cân nhắc khi giá tiếp tục lùi về dưới ngưỡng 1948.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1833.6, giảm 18.5 điểm (-1.0%). Độ lệch basis +16.1 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 65 HĐ. Hỗ trợ gần cũng quanh khu vực 1830 điểm, trong khi kháng cự ở chiều hồi phục là ngưỡng 1845 - 1850 điểm.

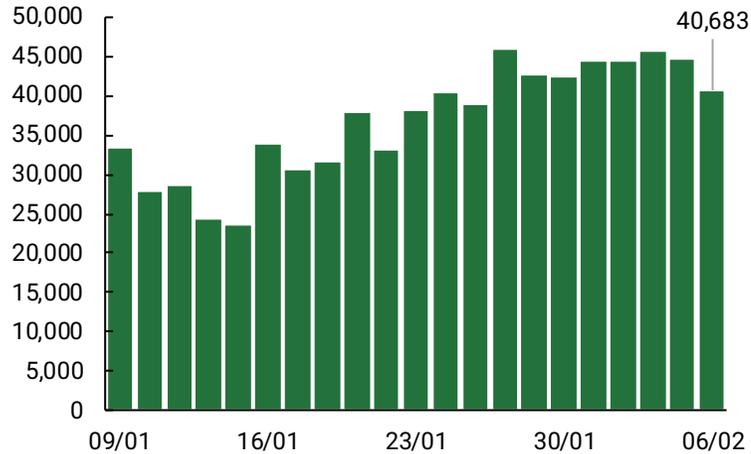
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 1955	1965	1948	10 : 07
Short	< 1948	1935	1956	13 : 08

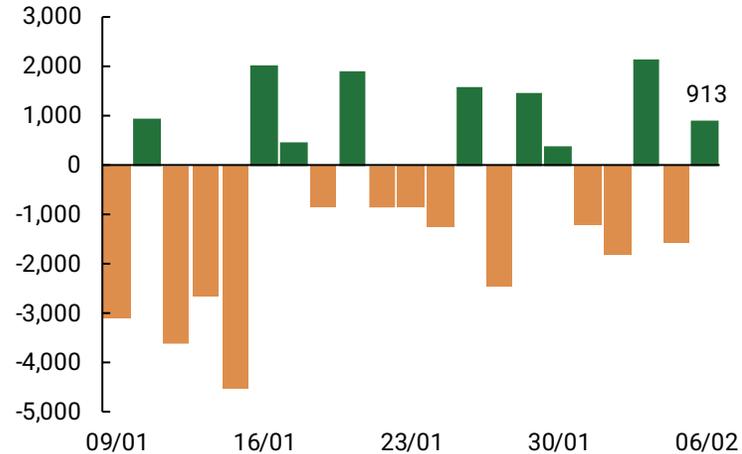
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	1,954.0	-20.8	53	160	1,955.5	-1.5	17/09/2026	223
4111G6000	1,953.5	-16.5	100	346	1,950.6	2.9	18/06/2026	132
4111G3000	1,952.6	-22.4	1,454	3,719	1,945.8	6.8	19/03/2026	41
4111G2000	1,951.3	-20.9	290,528	40,683	1,944.0	7.3	13/02/2026	7
4112G2000	1,833.6	-18.5	65	43	1,817.8	15.8	13/02/2026	7

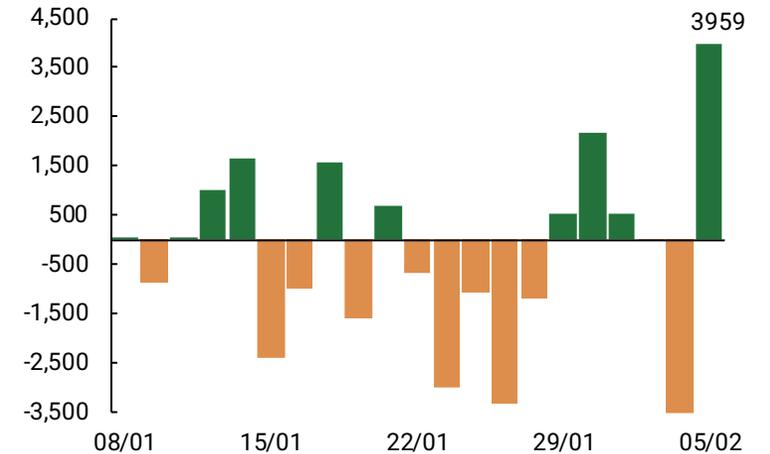
Khối lượng mở (Open interest)



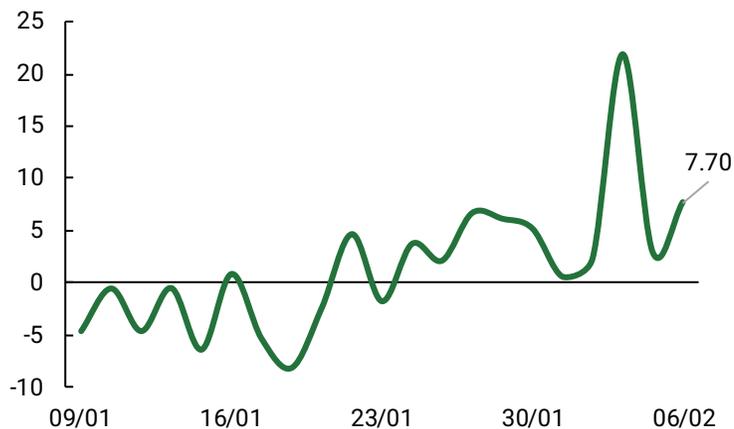
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



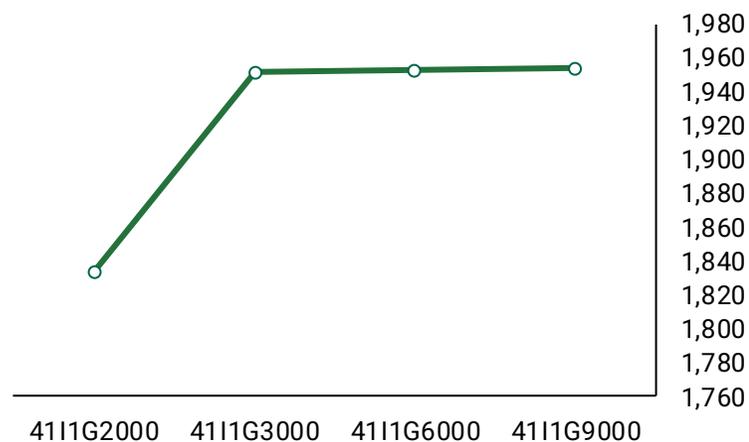
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



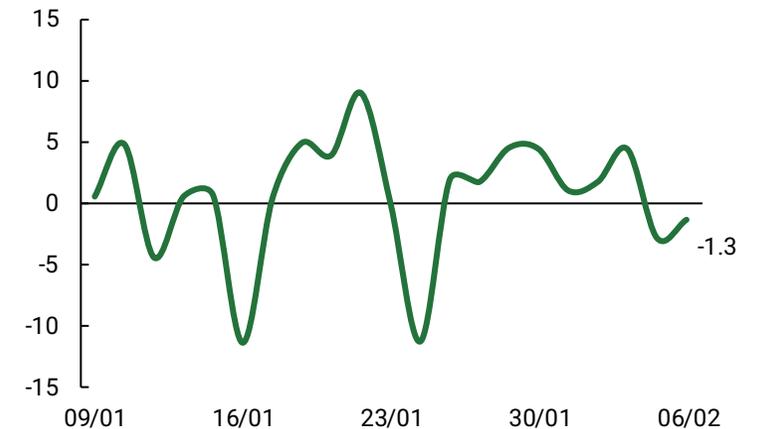
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	71,000	65,400	-7.9%	Giảm tỷ trọng
BCM	65,500	74,500	13.7%	Tăng tỷ trọng
CTG	37,400	45,200	20.9%	Mua
CTD	80,100	87,050	8.7%	Nắm giữ
CTI	23,350	27,200	16.5%	Tăng tỷ trọng
DBD	52,800	68,000	28.8%	Mua
DDV	28,194	35,900	27.3%	Mua
DGC	65,300	99,300	52.1%	Mua
DGW	53,500	48,300	-9.7%	Giảm tỷ trọng
DPG	43,200	53,100	22.9%	Mua
DPR	39,500	46,500	17.7%	Tăng tỷ trọng
DRI	12,278	17,200	40.1%	Mua
EVF	11,400	14,400	26.3%	Mua
FRT	160,400	157,600	-1.7%	Giảm tỷ trọng
GMD	71,500	77,000	7.7%	Nắm giữ
HAH	57,600	67,600	17.4%	Tăng tỷ trọng
HDG	26,100	34,500	32.2%	Mua
HHV	12,050	12,300	2.1%	Nắm giữ
HPG	26,800	34,300	28.0%	Mua
IMP	54,100	55,000	1.7%	Nắm giữ
KDH	25,400	38,800	52.8%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	27,350	22,700	-17.0%	Bán
MSH	37,700	43,100	14.3%	Tăng tỷ trọng
MWG	88,400	99,600	12.7%	Tăng tỷ trọng
NLG	27,050	39,900	47.5%	Mua
NT2	26,750	27,700	3.6%	Nắm giữ
PHR	58,800	72,800	23.8%	Mua
PNJ	108,900	113,300	4.0%	Nắm giữ
PVS	44,400	39,900	-10.1%	Bán
PVT	20,900	18,900	-9.6%	Giảm tỷ trọng
SAB	48,750	57,900	18.8%	Tăng tỷ trọng
SSI	29,900	39,200	31.1%	Mua
TLG	51,100	53,400	4.5%	Nắm giữ
TCB	34,600	35,650	3.0%	Nắm giữ
TCM	26,500	37,900	43.0%	Mua
TRC	74,000	94,800	28.1%	Mua
VCB	65,100	84,200	29.3%	Mua
VPB	26,800	37,000	38.1%	Mua
VCG	18,200	26,200	44.0%	Mua
VHC	60,000	60,000	0.0%	Nắm giữ
VNM	69,100	66,650	-3.5%	Giảm tỷ trọng
VSC	22,300	17,900	-19.7%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

THÔNG TIN VĨ MÔ

- 02/02 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 05/02 EU – ECB họp và quyết định lãi suất
Anh – BOE họp và quyết định lãi suất
- 06/02 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô
- 09/02 Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 10/02 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 11/02 Mỹ – Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
Việt Nam – MSSI công bố danh mục
- 13/02 Việt Nam – Đáo hạn phái sinh
- 16/02 Nhật Bản – Tăng trưởng GDP ước tính
- 19/02 Mỹ - Biên bản họp FOMC
- 20/02 Mỹ - PCE lõi, Ước tính GDP lần đầu
- 24/02 Trung quốc – Lãi suất cho vay cơ bản
- 27/02 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)

Lãi suất liên ngân hàng hạ nhiệt: Trong bối cảnh thị trường liên ngân hàng biến động mạnh, Ngân hàng Nhà nước đã đẩy mạnh nghiệp vụ hoán đổi USD/VND và nghiệp vụ thị trường mở - hai công cụ chủ lực để bơm lượng lớn VND và hạ nhiệt mặt bằng lãi suất.

Nhập khẩu tăng gần 50% trong tháng 1, nhập siêu gần 1.8 tỷ USD: Theo Cục Thống kê, Bộ Tài chính, trong tháng 1, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 88.16 tỷ USD, giảm 0.6% so với tháng trước và tăng 39.0% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 29.7%; nhập khẩu tăng 49.2%. Cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 1.78 tỷ USD.

Giá thịt lợn đẩy CPI tháng 1 tăng: chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 1 tăng nhẹ 0.05% so với tháng trước, tăng 2.53% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản tháng 1 tăng 3.19% so với tháng trước. Cục Thống kê - Bộ Tài chính cho biết, CPI tăng chủ yếu do giá thịt lợn tăng trước nhu cầu tiêu dùng dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

HPA - Cổ phiếu Nông nghiệp Hoà Phát chính thức chào sàn HOSE: Sáng 6/2, 285 triệu cổ phiếu HPA chính thức chào sàn HOSE. Tại sự kiện, tỷ phú Trần Đình Long khẳng định sau 10 năm làm nông nghiệp, Hòa Phát đã “hái quả ngọt” với lợi nhuận vượt mốc 1,600 tỷ đồng.

HPG - Hòa Phát khởi công dự án Khu công nghiệp Đồng Phúc quy mô gần 355 ha tại Bắc Ninh: Dự án KCN Đồng Phúc rộng 354.6 ha, tổng vốn hơn 3,730 tỷ đồng, đặt tại Bắc Ninh, tập trung phát triển công nghiệp xanh, bền vững. Vị trí chiến lược kết nối các trung tâm kinh tế lớn, gần sân bay quốc tế đang nâng cấp. Hạ tầng kỹ thuật đang gấp rút hoàn thiện với nhà máy nước sạch công suất 16,300 m³/ngày đêm, hệ thống điện 2 trạm biến áp 110/22kV và xử lý nước thải đạt chuẩn. KCN dự kiến khai thác từ 7/2026, tạo động lực mới thu hút đầu tư, giải quyết nhu cầu thuê đất tăng cao khu vực miền Bắc.

VGC - Thuế chống bán phá giá tạm thời đối với kính xây dựng có hiệu lực từ tuần sau: Vào ngày 30/01/2026, Bộ Công Thương đã ban hành thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm kính nổi trong suốt (không màu) có xuất xứ từ Indonesia và Malaysia, thuộc các mã HS 7005.29.20 và 7005.29.90. Biện pháp chống bán phá giá này có hiệu lực từ ngày 14/02/2026 đến ngày 14/06/2026 (120 ngày) với mức thuế 15%–63%.

LDG - Vẫn còn lỗ lũy kế hơn nghìn tỷ đồng dù lãi trở lại trong năm 2025: Năm 2025, Đầu tư LDG ghi nhận lợi nhuận sau thuế 136.84 tỷ đồng, cải thiện mạnh so với khoản lỗ 1,505.75 tỷ đồng cùng kỳ, hoàn thành 149.5% kế hoạch. Doanh thu đạt 403.02 tỷ đồng. Chi phí tài chính và quản lý giảm sâu, biên lợi nhuận gộp chuyển từ âm sang dương 66.8%. Tổng tài sản tăng 31.3% lên 8,084.8 tỷ đồng, nợ vay giảm 27.6%. Tuy nhiên, lỗ lũy kế còn 1,208.2 tỷ đồng.

VHC - Vĩnh Hoàn báo lãi 245 tỷ đồng quý 4/2025, giảm 44% so với cùng kỳ: Quý 4/2025, Vĩnh Hoàn ghi nhận doanh thu 2,715 tỷ đồng (-15%), lợi nhuận sau thuế 245 tỷ đồng (-44%). Lợi nhuận giảm mạnh do giá nguyên liệu tăng và sản lượng bán giảm. Lũy kế cả năm, doanh thu đạt 12,026 tỷ đồng (-4%), lợi nhuận sau thuế tăng 11.4% đạt 1,451 tỷ đồng. Tài sản tăng 9.7% lên 13,421 tỷ đồng. Công ty dự kiến mua lại 15 triệu cổ phiếu (~6.6% vốn) nhằm giảm vốn điều lệ/gia tăng lợi ích cổ đông.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415